TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 40 ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
Đợt xét: 14 - 23/11/2020

TT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ngành tốt nghiệp
1	400268	KhanThaVong	Alanya	05/06/1995	Laos	Nữ	---	---	4002	135	6.07	2.11	Trung bình	Ngành Luật
2	400274	Tạ Thị	Thắm	01/12/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Việt Nam	4002	130	6.65	2.48	Trung bình	Ngành Luật
3	400465	Đỗ Phương	Anh	18/04/1997	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	Việt Nam	4004	130	7.27	2.85	Khá	Ngành Luật
4	400471	Hoàng Phương	Lan	02/05/1995	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	4004	131	6.72	2.54	Khá	Ngành Luật
5	400572	Ma Thị Hải	Yến	06/09/1996	Bắc Kạn	Nữ	Tày	Việt Nam	4005	128	6.5	2.37	Trung bình	Ngành Luật
6	400860	Triệu Diễm	Quỳnh	11/07/1997	Lào Cai	Nữ	Dao	Việt Nam	4008	126	6.94	2.67	Khá	Ngành Luật
7	400961	Phùng Minh	Dũng	15/02/1996	Cao Bằng	Nam	Nùng	Việt Nam	4009	134	6.31	2.26	Trung bình	Ngành Luật
8	400962	Nguyễn Khánh	Duy	19/11/1996	Cao Bằng	Nam	Tày	Việt Nam	4009	134	6.52	2.36	Trung bình	Ngành Luật
9	400964	Lê Đình	Đạt	04/11/1997	Thanh Hóa	Nam	Thổ	Việt Nam	4009	126	6.34	2.28	Trung bình	Ngành Luật
10	400966	Trần Quốc	Định	20/10/1996	Thái Nguyên	Nam	Tày	Việt Nam	4009	127	6.41	2.28	Trung bình	Ngành Luật
11	401153	Đàm Việt	Lâm	20/05/1995	Thái Nguyên	Nam	Nùng	Việt Nam	4011	127	6.45	2.38	Trung bình	Ngành Luật
12	401164	Thèn Mai	Ngọc	07/07/1997	Lao Cai	Nữ	Nùng	Việt Nam	4011	128	6.76	2.54	Khá	Ngành Luật
13	401327	Phan Thị	Thương	26/12/1997	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	4013	128	6.74	2.51	Khá	Ngành Luật
14	401358	Lữ Thị Thảo	Trinh	24/04/1997	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Việt Nam	4013	126	6.46	2.33	Trung bình	Ngành Luật
15	401557	Chu Thị	Duyên	13/05/1996	cao bằng	Nữ	Dao	Việt Nam	4015	126	7.09	2.75	Khá	Ngành Luật
16	401607	Ngô Thị Thùy	Dung	19/08/1997		Nữ			4016	130	7.07	2.73	Khá	Ngành Luật
17	401763	Nguyễn Thị Như	Ngọc	01/09/1997	Hoà Bình	Nữ	Mường	Việt Nam	4017	126	6.99	2.68	Khá	Ngành Luật
18	401955	Nguyễn Đức	Thành	04/04/1997	Tuyên Quang	Nam	Tày	Việt Nam	4019	126	6.83	2.6	Khá	Ngành Luật
19	402048	Ma Thị Diệu	Huyền	13/05/1997	Thái Nguyên	Nữ	Tày	Việt Nam	4020	126	6.75	2.56	Khá	Ngành Luật
20	402472	Lang Vi Tùng	Sơn	02/03/1997	hải phòng	Nam	Kinh	Việt Nam	4024	130	6.17	2.2	Trung bình	Ngành Luật
21	402561	Lộc Thị	Sao	21/09/1996	Bắc Kạn	Nữ	Tày	Việt Nam	4025	129	6.91	2.69	Khá	Ngành Luật
22	402614	Hứa Quang	Huy	10/03/1997	Bắc Giang	Nam	Nùng	Việt Nam	4026	126	6.72	2.54	Khá	Ngành Luật
23	402712	Nguyễn Việt	Anh	30/09/1997	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4027	133	6.19	2.18	Trung bình	Ngành Luật
24	403368	Trần Thị Lan	Anh	21/09/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Việt Nam	4033	127	6.96	2.64	Khá	Ngành Luật kinh tế
25	403703	Nguyễn Hải	Dung	14/07/1997	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4037	128	6.64	2.48	Trung bình	Ngành Luật TMQT